

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÚ CHI**  
**TRƯỜNG MẦM NON AN NHƠN TÂY**

**THÔNG BÁO**

**Công khai chất lượng GDMN thực tế, Năm học 2022-2023 đầu năm học**

| STT        | Nội dung                                                         | Tổng số trẻ em | Mẫu giáo  |            |            |
|------------|------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|------------|------------|
|            |                                                                  |                | 3-4 tuổi  | 4-5 tuổi   | 5-6 tuổi   |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số trẻ em</b>                                            | <b>458</b>     | <b>80</b> | <b>137</b> | <b>241</b> |
| 1          | Số trẻ em nhóm ghép                                              |                | 0         | 0          | 0          |
| 2          | Số trẻ em học 1 buổi/ngày                                        |                | 0         | 0          | 0          |
| 3          | Số trẻ em học 2 buổi/ngày                                        | <b>458</b>     | <b>80</b> | <b>137</b> | <b>241</b> |
| 4          | Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập                                | 0              | 0         | 0          | 0          |
| <b>II</b>  | <b>Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú</b>                         | <b>458</b>     | <b>80</b> | <b>137</b> | <b>241</b> |
| <b>III</b> | <b>Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>                  |                |           |            |            |
| <b>IV</b>  | <b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b> | <b>458</b>     | <b>80</b> | <b>137</b> | <b>241</b> |
| <b>V</b>   | <b>Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em</b>                    |                |           |            |            |
| 1          | Số trẻ cân nặng bình thường                                      | <b>453</b>     | <b>72</b> | <b>122</b> | <b>216</b> |
| 2          | Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân                                | 3              | 2         | 0          | 1          |
| 3          | Số trẻ có chiều cao bình thường                                  | <b>458</b>     | <b>80</b> | <b>137</b> | <b>237</b> |
| 4          | Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi                               | 4              | 0         | 0          | 4          |
| 5          | Số trẻ suy dinh dưỡng vừa nhẹ cân vừa thấp còi                   | 0              | 0         | 0          | 0          |
| 6          | Số trẻ thừa cân béo phì                                          | 45             | 6         | 15         | 24         |
| <b>VI</b>  | <b>Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục</b>          | <b>458</b>     | <b>80</b> | <b>137</b> | <b>241</b> |
| 1          | Chương trình giáo dục nhà trẻ                                    | 0              | 0         | 0          | 0          |
| 2          | Chương trình giáo dục mẫu giáo                                   | <b>458</b>     | <b>80</b> | <b>137</b> | <b>241</b> |

Củ Chi, ngày 15 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thanh Lan